

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2025/LĐ-ST

Ngày: 24 – 4 – 2025

V/v Tranh chấp về bảo hiểm xã hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Hoài .

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Phước;

2. Bà Đinh Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc H – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 204/2024/TLST-LĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2426/2025/QĐXXST-LĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2977/2025/QĐST-LĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ngọc H1; sinh năm: 1984;

Địa chỉ thường trú: Ấp C, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Dương Thị T, sinh năm: 1995 và ông Vũ Ngọc H2, sinh năm: 1977; cùng địa chỉ liên hệ: Số A, H, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai làm đại diện ủy quyền theo Hợp đồng ủy quyền số 001848, quyền số 04/2024TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 02/4/2024 tại Văn phòng C, (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH I

Địa chỉ trụ sở: Phòng 5.09, Lầu E, Tòa nhà S, số A P, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Minh N, sinh năm: 1995; Địa chỉ liên lạc: Số D N, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh làm đại diện ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 02/01/2025, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 25/3/2024, nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc H1 có bà Dương Thị T, ông Vũ Ngọc H2 là đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và có ý kiến trình bày như sau:

Bà Phạm Thị Ngọc H1 làm việc tại Công ty TNHH I (gọi tắt là Công ty) từ ngày 11/01/2022. Quá trình làm việc, Công ty không giao kết hợp đồng lao động với bà H1. Công ty bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội cho bà H1 từ tháng 6/2022. Công việc của bà H1 là công nhân mẫu, mức lương đóng bảo hiểm xã hội trước khi nghỉ việc 5.376.000 đồng/tháng. Ngày 14/01/2023, căn cứ vào thỏa thuận chấm dứt hợp đồng với người lao động, Công ty đã có Quyết định thôi việc số 01340/QĐTV, về việc nghỉ việc của nhân viên số ID: 01340 cho bà H1 nghỉ việc từ ngày 14/01/2023. Quá trình làm việc tại Công ty, hàng tháng Công ty đều trừ lương của bà H1 để tham gia bảo hiểm xã hội theo quy định gồm bảo hiểm xã hội 8%, bảo hiểm thất nghiệp 1%, bảo hiểm y tế 1,5%. Thời gian từ tháng 6/2022 đến tháng 12/2022, Công ty chỉ đóng bảo hiểm thất nghiệp, chưa đóng bảo hiểm xã hội, chưa xác nhận quá trình tham gia bảo hiểm xã hội cho bà H1 theo quy định. Nay bà Phạm Thị Ngọc H1 yêu cầu Công ty phải đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 6 năm 2022 đến tháng 12 năm 2022 và xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho bà H1 theo quy định của pháp luật.

Bị đơn Công ty TNHH I do ông Lê Minh N làm đại diện theo ủy quyền vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, đồng thời không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức không thu thập được ý kiến trình bày và tài liệu, chứng cứ do Công ty TNHH I giao nộp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ trình tự, thủ tục luật định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Ngọc H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc H1 khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty TNHH I phải đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 6 năm 2022 đến tháng 12 năm 2022 và xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho bà H1. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về bảo hiểm xã

hội” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, có mã số doanh nghiệp: 0313272315 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố H đăng ký lần đầu ngày 26/5/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 02/7/2024, xác định Công ty TNHH I có trụ sở đăng ký hoạt động tại địa chỉ: Phòng 5.09 L, Tòa nhà S, số A đường P, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Dương Thị T và ông Vũ Ngọc H2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Lê Minh N vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc H1 yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động cá nhân. Căn cứ khoản 1 Điều 188 Bộ luật Lao động năm 2019 và Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì tranh chấp về bảo hiểm xã hội không bắt buộc phải qua thủ tục hòa giải cơ sở. Theo Quyết định thôi việc số 01340/QĐTV ngày 14/01/2023, Công ty cho bà Phạm Thị Ngọc H1 nghỉ việc từ ngày 14/01/2023. Bà H1 đã nhiều lần liên hệ Công ty để nhận văn bản xác nhận bảo hiểm xã hội nhưng Công ty không giải quyết. Sau khi liên hệ Bảo hiểm xã hội huyện X tỉnh Đồng Nai, vào ngày 19/3/2024, Bảo hiểm xã hội huyện X tỉnh Đồng Nai xác nhận quá trình đóng bảo hiểm xã hội cho bà H1. Sau khi nhận được sổ bảo hiểm, bà H1 mới biết quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm. Ngày 25/3/2024, bà Phạm Thị Ngọc H1 nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức. Căn cứ khoản 3 Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019, đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc H1 còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Trong quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ, bà H1 không xuất trình được hợp đồng lao động bằng văn bản nhưng theo trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bà H1 thì giữa bà H1 và Công ty TNHH I không ký kết hợp đồng lao động bằng văn bản nhưng Công ty có thỏa thuận với H1 làm việc tại Công ty và Công ty có tham gia đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà H1 từ tháng 6 năm 2022 đến tháng 12 năm 2022. Công ty TNHH I do ông Lê Minh N làm đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhưng không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Trên cơ sở ý kiến trình bày của nguyên đơn và xác nhận quá trình đóng bảo hiểm xã hội của Bảo hiểm xã hội huyện X, Hội đồng xét xử nhận định giữa Công ty TNHH I và bà H1 có thực tế tồn tại quan hệ lao động, bà H1 là công nhân chuyên mầu của Công ty. Căn cứ Điều 13, Điều 15, Điều 18, Điều 20, Điều 23 Bộ luật Lao động năm 2019, quan hệ lao

động giữa bà H1 và Công ty TNHH I có hiệu lực pháp luật, là căn cứ để phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia. Ngày 14/01/2023, Công ty TNHH I ra Quyết định thôi việc số 01340/QĐTV cho bà Phạm Thị Ngọc H1 nghỉ việc từ ngày 14/01/2023. Như vậy, có đầy đủ cơ sở để nhận định giữa bà H1 và Công ty TNHH I đã thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 3 Điều 34 Bộ luật Lao động năm 2019.

Theo trình bày của bà H1 thì phía Công ty TNHH I đã vi phạm nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội cho bà theo quy định của pháp luật. Trong quá trình Tòa án tiến hành tố tụng vụ án, Công ty TNHH I không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không xuất trình tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà H1. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu chứng cứ do bà H1 xuất trình thuộc trường hợp không cần phải chứng minh nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được để giải quyết vụ án.

Theo Công văn số 38/BHXXH ngày 25/02/2025 của Bảo hiểm xã hội huyện X, tỉnh Đồng Nai cho biết: Trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2022 đến 12 năm 2022, Công ty TNHH I không đóng tiền bảo hiểm xã hội và chưa xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho bà H1. Xét thấy, người sử dụng lao động có nghĩa vụ hàng tháng trích từ quỹ tiền lương và tiền lương của người lao động để đóng bảo hiểm xã hội theo quy định và có trách nhiệm lập hồ sơ để người lao động được cấp sổ bảo hiểm xã hội, hưởng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều 21, Điều 85 và Điều 86 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014. Việc Công ty TNHH I hàng tháng có trích tiền lương của người lao động bà Phạm Thị Ngọc H1 để đóng bảo hiểm xã hội, nhưng không thực hiện đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội tại Cơ quan bảo hiểm xã hội là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người sử dụng lao động, làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động sau khi nghỉ việc tại doanh nghiệp. Do đó, Hội đồng xét xử buộc Công ty TNHH I có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội trên cơ sở mức lương hàng tháng tương ứng và xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho bà H1 theo quy định của pháp luật, cụ thể: Tháng 6/2022: Mức lương đóng bảo hiểm xã hội là 4.788.000 đồng; Từ tháng 7/2022 đến tháng 12/2022: Mức lương đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng là 5.376.000 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, buộc bị đơn Công ty TNHH I phải chịu án phí lao động sơ thẩm không có giá ngạch. Nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc H1 được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là phù hợp quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Điều 21, Điều 85, Điều 86 và Điều 89 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc H1:

Buộc bị đơn Công ty TNHH I có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội cho bà Phạm Thị Ngọc H1 theo mã số bảo hiểm xã hội 7910398299, thời gian từ tháng 6/2022 đến tháng 12/2022 trên cơ sở mức lương 4.788.000 (bốn triệu, bảy trăm tám mươi tám nghìn) đồng trong thời gian tháng 6/2022; mức lương 5.376.000 (năm triệu, ba trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng/tháng trong khoảng thời gian từ tháng 7/2022 đến tháng 12/2022.

Công ty TNHH I có trách nhiệm liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để chốt sổ bảo hiểm cho bà Phạm Thị Ngọc H1 theo quy định của pháp luật.

Buộc Công ty TNHH I phải chịu tiền lãi do chậm đóng tiền bảo hiểm xã hội, theo mức lãi suất được quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội tương ứng với thời gian và số tiền chậm đóng.

2. Về án phí: Buộc Công ty TNHH I phải nộp án phí lao động sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Thủ Đức;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hà Thị Hoài